

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ QCVN 01-150: 2017/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung;

Căn cứ Công văn số 7768/BNN-TY ngày 04/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tháo gỡ khó khăn trong việc quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4287/TTr-SNNPTNT-KTMT ngày 06 tháng 12 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2018-2020 với các nội dung sau:

1. Phê duyệt Danh mục mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm giai đoạn 2018 – 2020 gồm 24 địa điểm; trong đó có 09 cơ sở loại I, 12 cơ sở loại II và 03 cơ sở gom nhỏ lẻ (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Đưa ra khỏi mạng lưới 11 địa điểm cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2018-2020 gồm 08 cơ sở loại I, 03 cơ sở loại II (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

3. Phê duyệt bổ sung 06 địa điểm vào mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2018-2020 gồm 02 cơ sở loại I, 04 cơ sở loại II (*Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

4. Phê duyệt 03 địa điểm cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô công suất từ 20-<100 con lợn/ngày đêm (*Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ địa điểm được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, cập nhật vào điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020).

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- TT tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0-3, NLN1,3, XD4, QLDD, QH, TM3;
- Lưu: VT, NLN3 (10b, QĐ 08/12).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



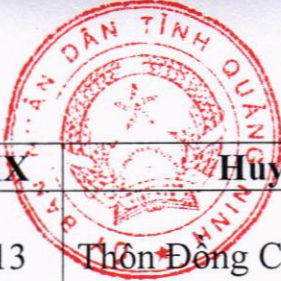
**Đặng Huy Hậu**



**Phụ lục I**  
**DANH MỤC MANG LƯỚI CƠ SỞ GIẾT MỔ GIA SÚC,**  
**GIA CẨM GIAI ĐOẠN 2018 – 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 5240/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

| STT         | Danh mục địa điểm                | Loại cơ sở | Ghi chú                                                  |
|-------------|----------------------------------|------------|----------------------------------------------------------|
| <b>I</b>    | <b>Thị xã Đông Triều</b>         |            |                                                          |
| 01          | Khu La Dương, phường Hưng Đạo    | I          | Bổ sung mới                                              |
| 02          | Xã Hồng Thái Tây                 | I          | Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh  |
| <b>II</b>   | <b>Thành phố Uông Bí</b>         |            |                                                          |
| 03          | Thôn Miếu Thán, phường Vàng Danh | I*         | Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh  |
| 04          | Phường Quang Trung               | I*         | Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh |
| <b>III</b>  | <b>Thị xã Quảng Yên</b>          |            |                                                          |
| 05          | Thôn Giếng Đá, xã Tiên An        | I          | Bổ sung mới                                              |
| <b>IV</b>   | <b>Huyện Hoành Bồ</b>            |            |                                                          |
| 06          | Thôn Trại Me, xã Sơn Dương       | Gom nhỏ lẻ | Bổ sung mới                                              |
| <b>V</b>    | <b>Thành phố Hạ Long</b>         |            |                                                          |
| 07          | Phường Hà Khánh                  | I*         | Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh |
| 08          | Phường Hà Phong                  | I*         |                                                          |
| <b>VI</b>   | <b>Thành phố Cẩm Phả</b>         |            |                                                          |
| 09          | Phường Cẩm Thạch                 | I*         | Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh |
| <b>VII</b>  | <b>Huyện Ba Chẽ</b>              |            |                                                          |
| 10          | Xã Nam Sơn                       | II         | Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh |
| 11          | Thôn Tân Tiến, xã Đồn Đạc        | Gom nhỏ lẻ | Bổ sung mới                                              |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Bình Liêu</b>           |            |                                                          |
| 12          | Thôn Tùng Cầu, xã Vô Ngại        | II         | Bổ sung mới                                              |



|             |                                                                                       |            |                                                                        |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------|
| <b>IX</b>   | <b>Huyện Tiên Yên</b>                                                                 |            |                                                                        |
| 13          | Thôn Đông Châu, xã Tiên Lãng                                                          | II         | Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh                |
| 14          | Xã Đông Hải                                                                           | II         | Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh               |
| <b>X</b>    | <b>Huyện Đàm Hà</b>                                                                   |            |                                                                        |
| 15          | Xã Quảng Tân                                                                          | II         | Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh               |
| 16          | Thôn Đồng Tâm, xã Dục Yên                                                             | II         | Bổ sung mới                                                            |
| 17          | Thôn Bình Nguyên, xã Tân Bình                                                         | II         | Bổ sung mới                                                            |
| <b>XI</b>   | <b>Huyện Hải Hà</b>                                                                   |            |                                                                        |
| 18          | Thôn 4, xã Quảng Chính                                                                | I          | Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh                |
| 19          | Xã Quảng Long                                                                         | II         | Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh               |
| 20          | Xã Quảng Thành                                                                        | II         |                                                                        |
| <b>XII</b>  | <b>Thành phố Móng Cái</b>                                                             |            |                                                                        |
| 21          | Xã Vĩnh Thực                                                                          | II         | Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh               |
| 22          | Thôn 5, xã Quảng Nghĩa                                                                | II         | Quyết định số 147/QĐ-BQLKKT ngày 18/7/2017 của Ban Quản lý khu kinh tế |
| 23          | Khu 6, phường Hải Yên (có bán kính cách nhà văn hóa khu 6 khoảng 2.100m về phía Bắc). | II         | Bổ sung mới                                                            |
| <b>XIII</b> | <b>Huyện Cô Tô</b>                                                                    |            |                                                                        |
| 24          | Thị trấn Cô Tô                                                                        | Gom nhỏ lẻ | Bổ sung mới                                                            |

Danh mục tại phụ lục I có 24 địa điểm (09 cơ sở loại I, 12 cơ sở loại II và 03 cơ sở gom nhỏ lẻ).

Ghi chú: \*Đã xây dựng cơ sở giết mổ.



**Phụ lục II**

**ĐỊA ĐIỂM ĐƯA RA KHỎI MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIẾT MỔ GIA SÚC,  
GIA CẦM TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2018 - 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 5240 /QĐ-UBND ngày 19 /12/2018 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

| STT | Địa điểm đưa ra khỏi mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung                   | Loại cơ sở | Ghi chú                                                            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------|
| 01  | Thôn Thượng 2, xã Tràng An, TX Đông Triều.                                                | I          | UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 |
| 02  | Thôn 8, xã Sông Khoai, TX Quảng Yên.                                                      | I          |                                                                    |
| 03  | Khu 1, thị trấn Trới, huyện Hoành Bồ.                                                     | I          |                                                                    |
| 04  | Phường Việt Hưng (giáp ranh phường Hà Khẩu), TP Hạ Long.                                  | I          | UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 09/6/2016  |
| 05  | Phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả.                                                            | I          | UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 |
| 06  | Thôn 8, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn.                                                        | I          | UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 |
| 07  | Thôn Khe Lánh 1, xã Vô Ngại, H. Bình Liêu.                                                | II         |                                                                    |
| 08  | Thôn Lâm Thành, xã Hải Lạng, H. Tiên Yên.                                                 | I          |                                                                    |
| 09  | Thôn Pò Hèn, xã Hải Sơn (sau Đồn Biên phòng Pò Hèn), TP Móng Cái.                         | II         |                                                                    |
| 10  | Khu 6, phường Hải Yên, TP Móng Cái (cách nhà văn hóa khu 6 khoảng 800m về phía Đông Nam). | I          | UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1287 /QĐ-UBND ngày 26/4/2017 |
| 11  | Khu 4, thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô                                                        | II         | UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 |

Phụ lục có 11 cơ sở (08 cơ sở loại I và 03 cơ sở loại II).



**Phụ lục III**

**ĐỊA ĐIỂM BỔ SUNG MẠNG LƯỚI CƠ SỞ GIẾT MỔ GIA SÚC,  
GIA CẦM TẬP TRUNG GIAI ĐOẠN 2018 - 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 5240 /QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

| STT | Địa điểm bổ sung mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung                                       | Quy mô, công suất giết mổ                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Khu La Dương (khu vực đồng Lò Gạch), phường Hưng Đạo, TX Đông Triều.                                      | Quy mô cơ sở loại I (công suất giết mổ trên 200 con lợn/ngày đêm).     |
| 02  | Thôn Giếng Đá, xã Tiền An, TX Quảng Yên.                                                                  | Quy mô cơ sở loại I (công suất giết mổ trên 200 con lợn/ngày đêm).     |
| 03  | Thôn Tùng Cầu, xã Vô Ngại, huyện Bình Liêu.                                                               | Quy mô cơ sở loại II (công suất giết mổ từ 20 - 200 con lợn/ngày đêm). |
| 04  | Thôn Đồng Tâm, xã Dục Yên, huyện Đàm Hà.                                                                  | Quy mô cơ sở loại II (công suất giết mổ từ 20 - 200 con lợn/ngày đêm). |
| 05  | Thôn Bình Nguyên, xã Tân Bình, huyện Đàm Hà.                                                              | Quy mô cơ sở loại II (công suất giết mổ từ 20 - 200 con lợn/ngày đêm). |
| 06  | Khu 6, phường Hải Yên, thành phố Móng Cái (có bán kính cách nhà văn hóa khu 6 khoảng 2.100m về phía Bắc). | Quy mô cơ sở loại II (công suất giết mổ từ 20 - 200 con lợn/ngày đêm). |

Phụ lục có 06 cơ sở (02 cơ sở loại I và 04 cơ sở loại II).



**Phụ lục IV**  
**ĐỊA ĐIỂM CƠ SỞ GIẾT MỔ GIA SÚC,**  
**GIA CẦM QUY MÔ CÔNG SUẤT TỪ 20 - < 100**  
**CON LỢN/NGÀY ĐÊM**

(Kèm theo Quyết định số 5240/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

| STT | Địa điểm cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm    | Quy mô, công suất giết mổ                                                                                                                                                                                  |
|-----|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Thôn Trại Me, xã Sơn Dương, huyện Hoàn Bò. | Quy mô cơ sở gom nhỏ lẻ (công suất giết mổ từ 20 -<100 con lợn/ngày đêm).                                                                                                                                  |
| 02  | Thôn Tân Tiến, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ.   | Quy mô cơ sở gom nhỏ lẻ (công suất giết mổ từ 20 -<100 con lợn/ngày đêm).                                                                                                                                  |
| 03  | Thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô.               | Quy mô cơ sở gom nhỏ lẻ (công suất giết mổ từ 20 -<100 con lợn/ngày đêm). UBND tỉnh giao UBND huyện Cô Tô đề xuất địa điểm, xin ý kiến đồng thuận của các Sở, ngành liên quan trước khi triển khai Dự án). |

Phụ lục có 03 cơ sở (gom nhỏ lẻ).